TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v tranh chấp "*hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Xuyên;

- Ngô Văn Mừng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1973; (vắng mặt).

Cư trú: Đường Q, tổ 9, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Mỹ S, sinh năm 1985; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2017); (có mặt).

Cư trú: khóm T, phường Đông, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1977; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Hồ My S trình bày: Trước đây ông T có mua bán gỗ với ông H nhiều lần. Việc mua bán giữa hai người thỏa thuận khi ông H giao gỗ thì ông T thanh toán tiền hàng. Hai bên giao nhận tiền khi thì trả tiền mặt khi thì chuyển khoản qua Ngân hàng nhưng đến khoảng năm 2013 thì việc thanh toán tiền hàng của ông T chậm lại. Ông H có đến gặp ông T đòi tiền và tổng kết lại số nợ mà ông T còn thiếu tổng cộng là 236.000.000 đồng. Ông T thống nhất số nợ này và viết giấy biên nhận nợ ngày 27/5/2013 đồng thời hẹn 01 tháng sau sẽ thanh toán dứt nợ cho ông H nhưng đến nay ông T chỉ thanh toán cho ông H được số tiền 186.000.000 đồng. Như vậy, ông T còn nợ lại ông H số tiền 50.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu ông Bùi Hữu T trả cho ông H số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,25%/tháng từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo ông H trình bày: Giữa ông và ông T có hợp đồng mua bán gỗ, thỏa thuận sau khi giao gỗ sẽ thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng. Ngày 27/6/2013, ông T còn nợ 236.000.000 đồng, sau đó ông T trả dần đến ngày 17/11/2014 còn nợ 50.000.000 đồng. Nay, ông H yêu cầu ông T trả 50.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Phía ông Bùi Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ ông H khởi kiện là tờ biên nhận ngày 27/5/2013, có nội dung "ông T thừa nhận còn nợ ông H 236.000.000 đồng" sau đó ông T trả dần đến ngày 17/11/2014 còn nợ 50.000.000 đồng nên việc ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả 50.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005.

Về lãi suất, do ông T chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên việc ông H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 305, 428, 438 Bộ luật dân sự 2005 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông T. Ông T cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Giữa ông H với ông T có giao kết mua bán gỗ trên cơ sở tự nguyện. Tuy hợp đồng mua bán không lập thành văn bản nhưng được các bên thừa nhận và có làm giấy nợ tiền ngày 27/5/2013; nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và đã thực hiện, theo đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 27/5/2013, ông T thừa nhận còn nợ ông H số tiền 236.000.000 đồng. Sau đó, ông T đã trả được 186.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Đến nay, ông T chưa trả số nợ còn lại là vi phạm nghĩa vụ. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập ông T để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên có cơ sở cho rằng ông T đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền mua bán gỗ còn nợ 50.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

Về thời hạn tính lãi: Ông H yêu cầu tính lãi từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy, ông T ký giấy nợ tiền với ông H vào ngày 27/5/2013 và hẹn đến ngày 28/6/2013 sẽ trả đủ số tiền trên. Nhưng ông T chậm thực nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên việc ông H yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp.

Về mức lãi suất:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, khi hai bên ký giấy nợ tiền không thỏa thuận mức lãi suất khi bên mua chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 438 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005, Hội đồng xét xử

chấp nhận mức lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2011của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm, (0,75%/tháng), (0,025%/ngày), số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 17/11/2014 đến ngày 29/3/2018 = 1.228 ngày.

1.228 ngày x 50.000.000 đồng x 0,025% /ngày = 15.350.000 đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 15.350.000 đồng là phù hợp các Điều 305, 438 Bộ luật dân sự 2005.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông H khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 305, 438 Bộ luật dân sự 2005;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc ông Bùi Hữu T có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H số tiền gốc 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng và tiền lãi 15.350.000 *(mười lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Tổng cộng: 65.350.000 *(sáu mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn)* đồng.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Hữu T phải chịu 3.267.500 (*ba triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

- Ông Trần Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.672.000 (*một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0014234 ngày 09/8/2017 và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0014476 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.